TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ N** **TỈNH QUẢNG N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N, TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thu Thủy

Ông Trần Quốc Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Duy D, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn An Phú, xã Thống Nhất, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Long Khánh (thôn Long Sơn cũ), xã Tam Đại, huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Duy D trình bày:

Anh D và chị L tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tam Đại, huyện Phú N vào năm 2008. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2009 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm tới ai. Nay anh D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh D có 01 con chung, tên là Trần Thị Thanh

H, sinh ngày 05-9-2008. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì anh D đưa con về Hòa Bình để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh D có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị L nhưng chị Lê Thị L không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị L không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Phú N phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn đã vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền về nghĩa vụ.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Duy D.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu là Trần Thị Thanh H, sinh ngày 05-9-2008 cho anh Trần Duy D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Duy D không yêu cầu chị Lê Thị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Duy D khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Lê Thị L có nơi cư trú tại thôn Long Khánh (thôn Long Sơn cũ), xã Tam Đại, huyện Phú N, tỉnh Quảng N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Duy D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn chị Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh D và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Đại, huyện Phú N là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng và mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2009 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa nên không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy D, cho anh D được ly hôn với chị Lê Thị L.

- *Về con chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D trình bày anh và chị L có một con chung là Trần Thị Thanh H, sinh ngày 05-9-2008. Anh D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà đến tuổi thành niên. Anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy; Cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Chị L không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến về con chung. Hiện nay, cháu Hà đang ở với anh D và được anh D chăm sóc và phát triển bình thường. Cháu Hà cũng có nguyện vọng được ở với anh D. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Hà cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Đương sự khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Duy D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của nguyên đơn anh Trần Duy D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Duy D được ly hôn với chị Lê Thị L.

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày 05-9-2008 cho anh Trần Duy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Trần Duy D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Không có và đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Trần Duy D phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018082 ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú N. Anh Trần Duy D đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng N;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Đại;
- VKSND huyện Phú N;
- Chi cục THADS huyện Phú N;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ N** **TỈNH QUẢNG N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hanh phúc
Số:…/2017/QĐST-HNGĐ	*Phú N, ngày 30 tháng 3 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
HOÃN PHIÊN TÒA
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N, TỈNH QUẢNG N

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sỹ.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Triệu Tin - Kiểm sát viên.

Đã tiến hành mở phiên toà sơ thẩm xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 175/2016/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Xét thấy bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 175/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2017.

2.Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 14 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú N, tỉnh Quảng N. Địa chỉ: Thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

Nơi nhận:
- Anh Lý;
- VKSND huyện Phú N;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 49-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định hoãn phiên toà; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định hoãn phiên toà (ví dụ: Số: 89/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi họ tên của Thư ký Toà án và tên Toà án nơi thư ký Toà án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(4) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(5) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 30/2017/TLST-LĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi số, ngày, tháng, năm của Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ví dụ: số 02/2017/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017).

(8) Ghi rõ lý do của việc hoãn phiên toà dân sự sơ thẩm thuộc trường hợp cụ thể nào quy định tại điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự được nêu tại khoản 1 Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất vì lý do tai nạn lao động).

(9) Tuỳ từng trường hợp cụ thể mà ghi điều luật tương ứng của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: nguyên đơn vắng mặt lần thứ nhất có lý do chính đáng (bị tai nạn lao động phải đi cấp cứu

tại bệnh viện) quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì ghi: "Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự").

(10) Ghi rõ thời gian, địa điểm mở lại phiên toà dân sự sơ thẩm (ví dụ: Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 08.00 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận 1, thành phố H), địa chỉ số….phố…phường….quận 1, thành phố H. Trong trường hợp chưa ấn định được thì ghi "Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án sẽ được Toà án thông báo sau".

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ N
TỈNH QUẢNG N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Tại:(2).....

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Sỹ.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 175/2016/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, trách nhiệm trả nợ chung khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

Bị đơn: Anh Lê Thiên Lý, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Thạnh Hòa 2, xã Tam Đàn, huyện Phú N, tỉnh Quảng N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) Việt Nam. Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Do ông Nguyễn Dương Quang, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huện Phú N đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH Việt Nam và Quyết định số 25/QĐ-NHCS ngày 14/3/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Phú N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[9]

.....

.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.